

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/DS-ST

Ngày: 28/9/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA- TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Lê Thanh Khánh.
2. Nguyễn Văn Thư.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mỹ Dung – Thư ký TAND thị xã Đông Hòa

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 04 năm 2021 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021; Thông báo hoãn phiên số: 258/2021/TB-TA ngày 24 tháng 6 năm 2021 và Thông báo thời gian xét xử vụ án số: 296/2021/TB-TA ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Khu phố H, phường T, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Ông Phan T, sinh năm 1945 và bà Dương Thị K (tên gọi khác: Dương Thị C), sinh năm 1950; Địa chỉ: Khu phố H, phường T, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Ông T có mặt, bà K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày: Nguyên vào năm 1997 vợ chồng ông Phan T và bà Dương Thị K (Dương Thị C) có vay của bà H 05 chỉ vàng y và ông T có viết giấy vay vàng (ngày 13/11/1997) hẹn một năm sau sẽ trả lại số vàng trên. Đến ngày 27/5/1998

(âm lịch) vợ chồng ông T, bà K tiếp tục vay 05 chỉ vàng y và hẹn khi nào tôi cần thì sẽ trả lại (ông T viết giấy vay vàng đề ngày 27/5/1998 âm lịch).

Tuy nhiên hết thời gian mà ông T thỏa thuận sẽ trả lại cho tôi tổng cộng 10 chỉ vàng y đã vay nhưng vợ chồng ông T không trả vàng cho tôi mặc dù tôi nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T trả vàng. Vợ chồng ông T hứa hẹn hết năm này qua năm khác vẫn không trả số vàng đã vay.

Nay khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà K (C) phải trả 10 chỉ vàng y đã vay theo hai giấy vay vàng mà ông T đã ký nhận và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Phan T trình bày: Thừa nhận vào năm 1997 và 1998 vợ chồng có vay của bà Trương Thị H 10 chỉ vàng y để làm ăn kinh tế gia đình cụ thể: Ngày 13/11/1997 vay 05 chỉ vàng y hẹn một năm sẽ trả lại; Ngày 27/5/1998 âm lịch tiếp tục vay 05 chỉ vàng y và khi nào bà H cần thì sẽ trả lại.

Các lần vay vàng tôi (T) đều là người viết giấy vay vàng và ký tên. Sau khi vay vàng để làm ăn, sau đó hoàn cảnh khó khăn nên đã trả dần cho bà H từ khi vay cho đến năm 2013 được 05 chỉ vàng y và trả lãi hàng năm một chỉ thì trả lãi cho bà H 03 phân vàng. Vì là anh em bà con nên khi trả 05 chỉ vàng gốc và trả lãi không có lập giấy tờ giao nhận. Từ sau năm 2013 cho đến nay vì kinh tế khó khăn nên không có khả năng trả lãi cho bà H nữa và thừa nhận còn nợ 05 chỉ vàng y của bà H.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả lại 10 chỉ vàng y thì không đồng ý. Vợ chồng tôi chỉ còn nợ lại 05 chỉ vàng y, đề nghị Tòa xem xét theo quy định. Các giấy tờ chứng minh việc đã trả nợ tôi không có để cung cấp cho Tòa.

Quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2021, bà Dương Thị K đều trình bày thống nhất như các nội dung ông Phan T đã khai.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn cho bị đơn vay vàng. Trong quá trình vay bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số vàng vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú hiện nay tại: Khu phố H, phường T, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[3] Bị đơn bà Dương Thị K được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, quá trình giải quyết vụ án bà K đã có lời khai trình bày tại Tòa án.

Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà K theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS

[4] Xét yêu cầu của đương sự:

[4.1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp được bản gốc 02 giấy vay vàng đề ngày 13/11/1997 và 27/5/1998 (âm lịch) có chữ ký của ông T và ông T, bà K cũng thừa nhận có vay nguyên đơn số vàng trên. Như vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4.2] Bị đơn ông T, bà K cho rằng từ khi vay cho đến năm 2013 đã trả cho bà H 05 chỉ vàng và tiền lãi nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh và nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn đã trả nợ gốc 05 chỉ vàng y và tiền lãi như bị đơn đã trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bị đơn về việc đã trả 05 chỉ vàng nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn.

[4.3] Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 1995 thì đến hạn trả, bên vay có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Bị đơn không trả số vàng khi đến hạn thanh toán là vi phạm nghĩa vụ, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Phan T và bà Dương Thị K (Dương Thị C) phải trả cho nguyên đơn bà Trương Thị H 10 chỉ vàng y (tỷ giá quy đổi ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử ngày 28/9/2021 là 4.990.000 đồng/01 chỉ vàng).

[5] Về lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do đó bị đơn phải chịu $(49.900.000\text{đồng} \times 5\%) = 2.495.000\text{đồng}$ án phí sơ thẩm theo quy định. Bị đơn thuộc đối tượng hộ cận nghèo, người cao tuổi và có đơn đề nghị xem xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên miễn phần án phí dân sự cho bị đơn. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 467, 471 Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ các Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Phan T và bà Dương Thị K (Dương Thị C) phải trả cho nguyên đơn bà Trương Thị H 10 chỉ vàng y (tỷ giá quy đổi ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử ngày 28/9/2021 là 4.990.000 đồng/01 chỉ vàng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong số tiền nói trên thì phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 1.375.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001505 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Dương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thành Hưng

Số: 02/2021/QĐ-SCBSBA

Đông Hòa, ngày 05 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do nhầm lẫn về số liệu trong bản án số 18/2021/DSST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Khu phố H, phường T, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Ông Phan T, sinh năm 1945 và bà Dương Thị K (tên gọi khác: Dương Thị C), sinh năm 1950; Địa chỉ: Khu phố H, phường T, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Ông T có mặt, bà K vắng mặt.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung bản án số 18/2021/DSST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên như sau:

1. Tại dòng thứ 03 và 04 trang 04 từ trên tính xuống của bản án đã ghi: ” Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án ...”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: ” Căn cứ khoản 2 Điều 26; *điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14* Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án...”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS TX. Đông Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thành Hưng